TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LƯƠNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2021/QĐST-KDTM	*Phú Lương, ngày 26 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, TP. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A1 – Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Văn N và ông Phạm Mạnh T – Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1964, chức vụ: Chủ doanh nghiệp tư nhân vận tải Hùng Cường.

Địa chỉ: Phố G, thị trấn G, huyện P, tỉnh T1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Quang S nhất trí thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 18/01/2021 là 534.488.838 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 365.816.220

đồng; tiền lãi phải trả là 155.955.026 đồng, phạt chậm trả là 12.717.592 đồng, trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 18/01/2021 đến ngày 18/4/2021, thời gian thanh toán được tính như sau:

Từ ngày 18/01/2021 – 18/02/2021, yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền là 150.000.000 đồng.

Từ ngày 19/02/2021-18/3/2021, yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền 215.816.220 đồng.

Từ ngày 19/3/2021 – 18/4/2021, yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền 168.672.618 đồng.

Buộc ông S tiếp tục trả lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ cho đến ngày ông S thực tế thanh toán hết nợ cho VP Bank.

Trường hợp ông Nguyễn Quang S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng A, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Quang S để thu hồi khoản nợ vay.

Về án phí: Các bên đương sự nhất trí thỏa thuận ông Nguyễn Quang S chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 12.689.776 đồng. Trả lại cho Ngân hàng A 12.061.433 đồng (*Mười hai triệu không trăm sáu mốt nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004233 ngày 16/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Phú Lương;
-THADS Phú Lương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Hồng Khánh

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).